

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN N

TỈNH KON TUM

Bản án số:12/2025/HS-ST

Ngày 24-3-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Ngọc Lễ; ông Phan Văn Đông;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Chinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24-3-2025, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2025/TLST-HS ngày 26-02-2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HS ngày 11-3-2025, đối với bị cáo:

1.Phan Văn N, tên gọi khác: không, sinh ngày 07/9/2008 tại tỉnh Kon Tum; CCCD số 062208006620, cấp ngày 18/4/2023, tại Cục CSQLHC về TTXH; Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ (không rõ), mẹ đẻ Phan Thị B (mẹ đơn thân); anh em ruột cùng mẹ khác cha có 02 người, bị cáo là con đầu trong gia đình; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Về nhân thân:

+Tại Quyết định số 31/QĐ-XPHC ngày 10/02/2025 của Công an huyện N, tỉnh Kon Tum xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, đã nộp phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16-12-2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện cho Phan Văn N là bà Phan Thị B, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đặng Thị K – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kon Tum; có mặt.

2.Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh H, sinh ngày 23/02/2009; người đại diện: Bà T (mẹ đẻ);

Bà T, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum; (đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn N, trước đó từng sử dụng chất ma túy. Vào ngày 14/12/2024 N đã mua ma túy của một nam thanh niên quen biết ngoài xã hội tên thường gọi “C” ở lô cao su tại xã Đ, huyện N với số tiền 200.000 đồng và đã sử dụng hết.

Khoảng 16 giờ 10 phút ngày 16/12/2024, N tiếp tục điều khiển xe biển kiểm soát 82EA – 024.79 đi vào lô cao su xã Đ để mua ma túy của đối tượng tên “C” về sử dụng. Khi đến khu vực lô cao su thôn z xã Đ, N đợi một lúc, đến khoảng 16 giờ 25 phút, N nhìn thấy “C” đi bộ đến gần chỗ N. N nói “C” bán cho 400.000 đồng ma túy đá và lấy tiền đưa cho “C”, “C” nhận tiền và lấy trong người ra 02 gói ni lông bên trong chứa ma túy đá, bên ngoài quấn băng keo màu đen đưa cho N. N cầm 02 gói ni lông này rồi cất giấu trong lai áo thun phía trước đang mặc. Sau khi mua được ma túy N điều khiển xe về lại xã Đ và định ghé vào nhà bạn để thăm chơi. Đến khoảng 16 giờ 40 phút cùng ngày N vừa dừng xe trước một ngôi nhà ở ven đường H, thuộc thôn C, xã Đ, thấy N có biểu hiện nghi vấn tàng trữ trái phép chất ma túy, nên tổ công tác Công an xã Đ tiến hành kiểm tra và phát hiện trong lai áo thun màu đen, phía trước N đang mặc có 02 (hai) vật được quấn băng keo màu đen, tiến hành mở băng keo màu đen ra phát hiện bên trong có 02 gói ni lông nhỏ trong suốt được hàn kín, gói thứ nhất kích thước khoảng (1x2,5) cm, gói thứ hai kích thước khoảng (1x2) cm, bên trong hai gói đều chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (nghi là ma túy). Khi được hỏi, làm rõ thì Phan Văn N khai là ma túy đá vừa mua của nam thanh niên tên “C” (không rõ nhân thân, lai lịch) mục đích để sử dụng riêng cho bản thân. Kiểm tra trong túi quần phía trước, bên trái của Phan Văn N phát hiện 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng theo quy định.

Tại bản Kết luận giám định số 503/KL-KTHS ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Kon Tum kết luận: Mẫu chất rắn dạng tinh thể màu trắng (ký hiệu M1; M2) được niêm phong trong phong bì bằng giấy màu trắng ký hiệu “QT01” gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, có tổng khối lượng là: 0,150 gam.

Tại Bản Cáo trạng số: 07/CT-VKSNH ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố Phan Văn N về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với đối tượng đã bán ma túy trái phép cho N, theo bản Cáo trạng nhận định: N không rõ nhân thân, lai lịch của đối tượng này. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra vẫn chưa xác định được đối tượng, đã tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau khi có đủ căn cứ.

-Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đã truy tố bị cáo. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo, cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ ‘*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*’. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 179, khoản 1 Điều 119 của Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024: Tuyên bố Phan Văn Nghĩa phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, xử phạt từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu và tiêu hủy số ma túy sau khi giám định còn lại và các vật chứng không có giá trị. Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu REALME màu xanh vì không liên quan đến tội phạm.

Tại phiên tòa Phan Văn N thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

- Bà Phan Thị B là người đại diện cho bị cáo khai tại phiên tòa: Nhất trí với kết quả điều tra. Phan Văn N là con đẻ của bà, sinh sống cùng bà, bình thường ở nhà N cũng ngoan hiền, khi ra ngoài xã hội đã giao du với bạn nghiện dẫn đến sử dụng ma túy. Bà mong pháp luật có hình phạt phù hợp để răn đe, giáo dục N.

- Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Bị cáo bị bắt phạm tội quả tang, tại phiên tòa bị cáo cũng đã thừa nhận hành vi phạm tội. Thống nhất với Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố về tội danh, tình tiết giảm nhẹ. Mong Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, hoàn cảnh gia đình, bị cáo là người dân tộc thiểu số,

thiếu tình cảm nuôi dưỡng của bố, học mới đến lớp 8 nên nhận thức và suy nghĩ còn hạn chế. Đề nghị Hội đồng áp dụng Điều 90, 91, 101 của Bộ luật hình sự đối với người phạm tội dưới 18 tuổi. Cho bị cáo được hưởng mức hình phạt 07 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Anh H khai tại hồ sơ: H thường hay cho Phan Văn N mượn xe mô tô để làm phương tiện đi lại. Ngày 16/12/2024, H đã cho N mượn xe mô tô biển kiểm soát 82EA-024.79 nhưng không biết N sử dụng để đi mua ma túy.

- Bà T khai tại hồ sơ: Xe mô tô biển kiểm soát 82EA - 024.79 là của Bà có giấy tờ, nguồn gốc rõ ràng, Bà đứng tên chủ sở hữu hợp pháp, Bà không biết con trai Bà là H đã cho N mượn xe. Bà đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì.

-Lời nói sau cùng của bị cáo: Khi bị tạm giam bị cáo đã hiểu nhiều hơn, bị cáo rất ăn năn, hối hận, sau này bị cáo không sử dụng ma túy nữa, sẽ lo làm phụ giúp mẹ. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được đánh giá là hợp pháp.

[2] Đối với hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”: Toàn bộ lời khai tại phiên tòa của Phan Văn N phù hợp với các lời khai và tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, thể hiện như sau:

[2.1] Theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định: “Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”...; các chất ma túy quy định tại điểm c gồm: “*Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR – 11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam*”.

[2.2] Tàng trữ trái phép chất ma túy là cất giữ, cất giấu bất hợp pháp chất ma túy ở bất cứ nơi nào (như trong nhà, ngoài vườn, chôn dưới đất, để trong vali, cho vào thùng xăng xe, cất giấu trong quần áo, tư trang mặc trên người hoặc theo người...). Tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập vào lúc 17

giờ 00 phút ngày 16/12/2024 của cơ quan Công an huyện N, xác định: Phan Văn N đang cất giấu 02 gói ma túy trong lai áo thun màu đen mặc trên người. Tại Kết luận giám định số: 503/KL-KTHS ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Kon Tum kết luận: 02 gói ma túy ký hiệu (M1, M2) là loại Methamphetamine, có tổng khối lượng là: 0,150 gam. Nguồn gốc số ma túy này Nghĩa mua để sử dụng, đây chính là hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo thể hiện lỗi cố ý, đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, gây thiệt hại cho lợi ích của xã hội, của công dân và gây mất trật tự an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội ở mức độ nghiêm trọng, đủ yếu tố cấu thành tội phạm được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình, đúng như Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố.

[3] Về hành vi có liên quan: Đối với người tên “C” đã bán ma túy cho N. Hiện Cơ quan điều tra chưa xác định được, đã tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý khi có đủ căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong suốt quá trình tham gia tố tụng từ điều tra – truy tố – xét xử bị cáo thể hiện “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt:

[5.1] Áp dụng hình phạt chính: Bị cáo phạm tội ở mức độ nghiêm trọng; trước khi phạm tội chưa bị tiền án, tiền sự; phạm tội chưa thành niên; căn cứ vào nhân thân, mức độ phạm tội, tình tiết giảm nhẹ; áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội theo Điều 90, 91 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 179, khoản 1 Điều 119 của Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024, để đưa ra mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo.

[5.2] Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại khoản 6 Điều 91 của Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 các điểm a, c khoản 2 điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đánh giá và xử lý như sau:

Đối với số ma túy thu giữ, sau khi trích giám định còn lại là vật chứng cầm tàng trữ, lưu hành cần tịch thu và tiêu hủy.

Tịch thu và tiêu hủy vật chứng không có giá trị là 02 đoạn băng keo màu đen.

Đối với máy điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh, bị cáo không sử dụng vào việc tội phạm, trả lại cho bị cáo.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 82EA – 024.79 của bà T, bị cáo mượn để đi lại, không dùng để tàng trữ ma túy. Bà T đã nhận lại xe ở giai đoạn điều tra, không có ý kiến gì nên không đề cập đến.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo không có tài sản, người đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Phan Thị B chịu nộp thay theo khoản 2 Điều 586 của Bộ luật dân sự, để nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, 38, 50, 90, 91 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 179, khoản 1 Điều 119 của Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024;

Căn cứ khoản 1 các điểm a, c khoản 2 điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; khoản 2 Điều 586 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Xử phạt Phan Văn N 07 (bảy) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 16/12/2024). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) phong bì mặt trước có nội dung “CÔNG AN TỈNH KON TUM PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ SỐ: 503/KL-KTHS”, mặt sau có các dấu tròn có nội dung “PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ*CÔNG AN TỈNH KON TUM” và có các chữ ký ghi tên Nguyễn Hoàng L, Nguyễn H tại mép dán, bên trong có chứa 02 gói ni lông nhỏ trong suốt, gói thứ nhất kích thước (1x2,5)cm, gói thứ 2 kích thước (1x2)cm; Mẫu vật sau khi giám định được đựng

trong một gói ni lông có khối lượng trừ bì là 0,142 gam ma túy loại Methamphetamine; 01 (một) phong bì bằng giấy màu trắng đựng mẫu vật gửi đi giám định.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) phong bì bằng giấy màu trắng đã được niêm phong (ký hiệu QT03 ngoài phong bì), mặt trước có chữ “CÔNG AN HUYỆN N – CÔNG AN XÃ Đ”, mặt sau được dán kín, tại mép dán có chữ ký, ghi họ tên Đỗ Đức C, Phạm Văn Q, Trương Thành H, Hà Văn Q, Phan Thị B, Phan Văn N và các hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum, bên trong có 02 đoạn băng keo màu đen.

Trả lại cho Phan Văn N: 01 (một) phong bì bằng giấy màu trắng đã được niêm phong, mặt trước có chữ “CÔNG AN TỈNH KON TUM- CÔNG AN HUYỆN N”, mặt sau được dán kín. Tại mép dán có chữ ký, ghi họ tên Nguyễn Văn N, Đặng Thị K, Mai Văn C, Ngân Anh T và các hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Kon Tum, bên trong có 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu REALME màu xanh, số IMEI1: 860750040953936, số IMEI2: 860750040953928, đã qua sử dụng.

Vật chứng xử lý được ghi nhận tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26-02-2025 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Kon Tum với Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Về án phí: Buộc Phan Văn N phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Bà Phan Thị B chịu nộp thay.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24-3-2025). Anh H, bà Triệu Thị T có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người đại diện;
- Người bào chữa;
- Người liên quan;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Cơ quan ĐTCA; THAHS; THADS;
- Nhà tạm giữ CA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo

